

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**
Số: 50/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mỹ Tho, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2022 về việc “Ly hôn” giữa:

- Ông Cù Hữu T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A, ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số B ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo Văn bản ủy quyền số: 10.552, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/9/2022.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A, ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ liên hệ: Số A, Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo Văn bản ủy quyền số: 9971, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2022.

- Ngân hàng N1 (A).

Trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn S, Chức vụ: Giám đốc.

Theo Văn bản ủy quyền số 389/QĐ-NHNo-PC ngày 23/3/2021 của Tổng giám đốc A).

Địa chỉ: Số B Ấp B, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Tô Thị H1, sinh năm 1960.

Địa chỉ số I, ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 59, Điều 60, 63 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/02/2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2022.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 27/02/2023 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn:

- Ông Cù Hữu T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A, ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số B ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo Văn bản ủy quyền số: 10.552, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/9/2022.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A, ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ liên hệ: Số A, Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo Văn bản ủy quyền số: 9971, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/6/2022.

- Ngân hàng N1 (A).

Trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn S, Chức vụ: Giám đốc.

Theo Văn bản ủy quyền số 389/QĐ-NHNo-PC ngày 23/3/2021 của Tổng giám đốc A).

Địa chỉ: Số B Ấp B, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Tô Thị H1, sinh năm 1960.

Địa chỉ số I, ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 59, Điều 61 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Cù Hữu T2 và chị thỏa thuận:

1/ Về hôn nhân: Ông Cù Hữu T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Ông Cù Hữu T và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung tên là Cù Nguyễn Anh T3 và Cù Hữu T4, đều đã trưởng thành nên khi ly hôn tùy con muốn sống với cha hoặc mẹ là do con quyết định. Ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung khi chúng ông, bà ly hôn.

3/ Về tài sản:

Ông Cù Hữu T và bà Nguyễn Thị H thống nhất với Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/02/2023 của Liên danh Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1. Phiếu xác nhận kết quả đo đạc này thể hiện như sau: Thửa đất số 65 (Thửa mới 137), tờ bản đồ địa chính số 02, địa chỉ thửa đất ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, diện tích đo đạc thực tế 2.296,4m², mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn, đất trồng cây lâu năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy H05061 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/10/2009 cho ông Cù Hữu T đứng tên.

- Ông Cù Hữu T đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị H phần đất trồng cây lâu năm diện tích 197,9m², có chiều ngang 5m x chiều dài 40m (Phần T-1b trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/02/2023) là một phần của thửa đất số 65 (Thửa mới 137), diện tích đo đạc thực tế còn lại của thửa đất là 2.296,4m², tờ bản đồ số 02 (Trong đó: 145m² Đất ở nông thôn, trên diện tích đất ở nông thôn có 01 căn nhà kiên cố, 2.151,4m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Diện tích đất ông Cù Hữu T đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị H là 197,9m² đất trồng cây lâu năm được nêu ở trên, đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đường bê tông;
- + Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất số 65 (Thửa mới 137);
- + Phía Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 65 (Thửa mới 137);
- + Phía Bắc giáp thửa đất số 58.

- Bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên cho bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 197,9m² này. Ông Cù Hữu T không tranh chấp, không yêu cầu gì đối với cây trồng trên 197,9m² chia cho bà H.

- Ông Cù Hữu T được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 65 (Thửa mới 137), tờ bản đồ số 02, diện tích còn lại của thửa đất là 2.098,5m² (Trong đó: Đất ở tại nông thôn 145m², trên đất có căn nhà kiên cố; 1.953,5m² đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy H05061 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/10/2009 cho ông Cù Hữu T đứng tên.

- Diện tích đất ông Cù Hữu T được toàn quyền quản lý, sử dụng là 2.098,5m² (Trong đó: Đất ở tại nông thôn 145m², trên đất có căn nhà kiên cố; 1.953,5m² đất trồng cây lâu năm), đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đường bê tông;
- + Phía Tây giáp thửa đất số 135, 66;
- + Phía Nam giáp thửa đất số 138, thửa số 1 (Tờ số 5);
- + Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 65 (Thửa mới 137) chia

cho bà Nguyễn Thị H (Ký hiệu T-1b - Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 24/02/2023).

- Ông Cù Hữu T được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại nêu trên.

- Bà H không tranh chấp căn nhà cấp 4 cất trên diện tích đất 145m² Đất ở nông thôn chia cho ông Cù Hữu T, bà Nguyễn Thị H tự nguyện rút lại yêu cầu chia căn nhà cấp 4 cất trên đất đối với ông Cù Hữu T.

Bà Nguyễn Thị H được quyền lưu cư tại căn nhà số A ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh T trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

4/ Về nợ chung:

- Ông Cù Hữu T tự nguyện trả hết số nợ gốc và lãi mà ông và bà Nguyễn Thị H đã vay tại Ngân hàng N1- Chi nhánh thành phố M, tỉnh Tiền Giang – Phòng giao dịch Ấp B theo Hợp đồng Tín dụng số 6901-LAV-202101213 ngày 04/08/2021.

5/ Về nợ riêng: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị H1 số tiền nợ hui tổng cộng là 58.000.000 đồng, trả làm 03 lần trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các bên thực hiện những nội dung thỏa thuận trên ngay sau khi Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

6/ Về án phí:

- Ông Cù Hữu T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, ông đã tạm nộp 300.000 đồng dự phí theo biên lai thu số 0022213 ngày 10/5/2022, khấu trừ nên được hoàn lại 150.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 1.450.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm (Phần án phí có giá ngạch về phần nợ phải trả cho bà Tô Thị H1, bà H đã nộp 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022362 ngày 15/6/2022, khấu trừ nên được hoàn lại 15.550.000 đồng).

- H2 lại cho bà Tô Thị H1 số tiền 1.450.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022592 ngày 14/9/2022.

- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố Mỹ Tho;
- THADS thành phố Mỹ Tho;
- Các đương sự:
 - + Ông Cù Hữu Thảo;
 - + Ông Phạm Ngọc Dũng;
 - + Bà Nguyễn Thị Hạnh;
 - + Chị Nguyễn Thị Huỳnh Như;
 - + NHNN và Phát triển NTVN-CN
- Tiền Giang- Phòng GD Ấp Bắc;
 - + Ông Nguyễn Văn Sánh;
 - + Bà Tô Thị Hào;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Lệ Thương